

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02 - 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chương; ông Trần Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thùy D năm 1993;

Cư trú: Số B, Tổ E, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang

Nơi làm việc: Công ty T1, phường T, thành phố B, tỉnh bình Dương

2. Bị đơn: Ông Cao Phước A năm 1990;

Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A1 Cục CBộ C1 địa chỉ: Xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương

Tại phiên tòa bà D1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trịnh Thị Thùy D2 bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Thùy D3 ông Cao Phước A1 sống với nhau từ năm 2013 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V D và ông A2 sống hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: Ông A thay đổi công việc, đi sớm về khuya, không còn trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng mâu thuẫn dần dần, đỉnh điểm là khi phát hiện ông A liên quan đến ma túy. Đến năm 2021, ông A3 bắt vì phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, bà D4 quyết xin ly hôn ông A

- Về con chung: Bà D5 định bà và ông A4 02 con chung là cháu Cao T D1 sinh ngày 13 tháng 02 năm 2014 và cháu Cao Phước N ngày 22 tháng 9 năm 2016. Hiện các con đang sống chung với bà D6 khi ly hôn, bà D7 được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông A cấp D8 nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Phước A5: Vắng mặt và cung cấp Bản tự khai trình bày: Ông đồng ý ly hôn. Về con chung như bà D2 bày. Ông đồng ý cho bà D9 con, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà D và ông A đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông A và bà D quen biết và kết hôn có đăng ký kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D là có cơ sở để chấp nhận. Về con chung: Bà D và ông A có 02 con chung như trình bày; nhận thấy hiện con chung đang sống với bà D, các cháu có nguyện vọng muốn sinh sống với bà D. Do đó, đề xuất giao con chung cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Thị Thùy D10 và ông Cao Phước A5 kết hôn có đăng ký kết hôn; bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, còn ông A có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện T Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà D và ông A đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Bà D và ông A đều cho rằng vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chung tay cùng nhau xây dựng tổ ấm. Nhưng hiện nay bà D và ông A đều không thực hiện được những điều này, và không còn chung sống, đều mong muốn ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: Bà D và ông A đều xác định ông bà có 02 con chung là cháu Cao T D1sinh năm 2014 và cháu Cao Phước N năm 2016. Bà D và ông A đều thống nhất giao cháu con chung cho bà D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân cháu D1và cháu N cũng thể hiện nguyện vọng muốn được sinh sống cùng với mẹ. Vì vậy, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của con chung, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường. Bà D và ông A thống nhất ông A6 phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận vấn đề này.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Thùy D10 được ly hôn với ông Cao Phước A5.

2. Về con chung: Bà Trịnh Thị Thùy D10 và ông Cao Phước A5 có 02 (hai) con chung là cháu Cao T D1 sinh ngày 13 tháng 02 năm 2014 và cháu Cao Phước N ngày 22 tháng 9 năm 2016.

Bà Trịnh Thị Thùy D10 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Cao T D1 và cháu Cao Phước N1. Bà Trịnh Thị Thùy D10 và thành viên gia đình không được cản trở ông Cao Phước A5 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao T D1 và cháu Cao Phước N1. Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Cao Phước A6 phải cấp dưỡng cho con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Thùy D10 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002886 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang;
- VKSND h. Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h. Thoại Sơn;
- UBND x. Vĩnh Chánh, h. Thoại Sơn;
(GCNKH số 32 ngày 23-3-2016)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang